TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/KDTM-PT
Ngày: 26/6/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Trung, bà Trần Thị Mỹ Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 01/2021/TLPT-KDTM ngày 11/01/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, thế chấp". Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐ-PT ngày 31/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1); địa chỉ: Số D, Đường T, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Dương Nhất N; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Văn S, ông Vũ Anh D và bà Hoàng Minh T; địa chỉ: Tầng D, Số G - 72, Phố B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; theo Giấy ủy quyền số 33/2023/GUQ-PL&TT ngày 19/4/2023. Ông S, ông D - có mặt; bà T – vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1; địa chỉ: Số F, Đường P, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn H, chức vụ: Giám đốc, vắng mặt,

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1949 và ông Trần Đình L (chết ngày 18/01/2020); địa chỉ: K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; bà T1 có mặt tại phiên tòa.

+ Anh Phan Đình L1, sinh năm 1976 và chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1975; địa chỉ: K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; anh L1 có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Y có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L1: Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1975; địa chỉ: K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Theo giấy ủy quyền ngày 08/5/2020); có mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Đình L:

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1949; địa chỉ: K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

+ Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1975; địa chỉ: K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

+ Chị Trần Thị Tú O, sinh năm 1974; địa chỉ: K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị Tố U, sinh năm 1980; địa chỉ: K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị O, chị U: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1949; địa chỉ: K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Theo giấy ủy quyền ngày 24/02/2020); có mặt.

* *Người kháng cáo:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) đã cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 vay vốn theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 với thời hạn 12 tháng, hạn mức không vượt quá 4.800.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thi công xây dựng công trình. Quá trình thực hiện hợp đồng, V1 đã giải ngân cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 theo các khế ước nhận nợ sau: Khế ước nhận nợ số 05 ngày 18/3/2016, TKV 11601187, số tiền vay 2.410.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng; khế ước nhận nợ số 06 ngày 01/4/2016, TKV 11691537, số tiền vay 850.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng; khế ước nhận nợ số 07 ngày 29/7/2016, TKV 12476037, số tiền vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay 09

tháng; khế ước nhận nợ số 08 ngày 30/7/2016, TKV 12482317, số tiền vay 540.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng; khế ước nhận nợ số 09 ngày 30/7/2016, TKV 12484947, số tiền vay 450.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay gồm:

- Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 21, K, Phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 709962, số vào sổ CH.00440/số 8759/QĐ-UBND(2010) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 13/12/2010 cho ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị T1;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 14 tại K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 440316, số vào sổ H.00008/số 168/QĐ-UBND(2007) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 11/6/2007 cho ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị T1;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 24 tại K, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 179594, số vào sổ CH.01595 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 19/12/2011 cho anh Phan Đình L1, chị Trần Thị Hải Y;

- Một máy xúc bánh lốp Komatsu PW 130-6k, biển số 80 LA-1024, số động cơ 189298, số khung PW130k30269, công suất động cơ 78HP, trọng lượng 15.100 kg, màu sơn vàng, sản xuất năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 588.XMCD do Khu Quản lý đường bộ IV, Bộ G cấp lần đầu ngày 30/11/2009 thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1);

- Một xe tải ben TRUONGGIANG sản xuất năm 2009, màu xanh, tải trọng 6950 kg, số máy YC 4E13521E-0273901060, số khung RNNTD61D49CD-00343, biển số 37S-4626 thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù V1 đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 trả nợ nhưng khách hàng vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho V1. Tạm tính đến ngày 10/9/2020, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 còn nợ V1 số tiền như sau: Số tiền nợ gốc 3.460.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn 1.974.115.028 đồng, tiền phạt chậm trả lãi 25.535.860 đồng, tổng cộng 5.459.650.887 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi, phạt cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2020 là 5.459.650.887 đồng và toàn bộ số tiền lãi, phạt phát sinh đến ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 thực trả hết nợ cho V1 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết.

- Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trả nợ thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng là các tài sản bảo đảm nêu trên.

Chị Trần Thị Hải Y và bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Ngày 28/02/2012, anh Phan Đình L1 và chị Trần Thị Hải Y thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số BG 179594 tại K, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo Hợp đồng thế chấp giữa anh L1, chị Y với V1 và bên được bảo đảm là Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1. Theo đó, nghĩa vụ bảo đảm theo hợp đồng thế chấp nêu trên đối với các khoản nợ gốc hoặc số dư bảo lãnh hoặc số tiền cấp tín dụng tại một thời điểm không vượt quá 540.000.000 đồng. Ngày 06/6/2012, ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T1 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 709962 tại K, Phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo hợp đồng thế chấp giữa ông L, bà T1, V1 và bên được bảo đảm là Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký đối với các khoản nợ gốc và/hoặc số dư bảo lãnh và/hoặc số tiền cấp tín dụng tại một thời điểm không vượt quá 1.145.000.000 đồng. Ngày 04/10/2012, ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T1 thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AH 440316 tại K, Phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo hợp đồng thế chấp giữa ông L, bà T1, V1 và bên được bảo đảm là Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1. Tổng giá trị nghĩa vụ được bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký đối với các khoản nợ gốc và/hoặc số dư bảo lãnh và/hoặc số tiền cấp tín dụng tại một thời điểm không vượt quá 4.180.000.000 đồng. Trong giai đoạn năm 2013 - 2014, ông L, bà T1, anh L1 và chị Y đã trình bày quan điểm với V1 rằng không đồng ý tiếp tục cho vay mới, yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn X1 thực hiện huy động tiền trả nợ để thực hiện rút tài sản. Theo đó, ông L nhiều lần trực tiếp lên ngân hàng để trao đổi về việc không tiếp tục cho vay mới, không ký kết các hợp đồng tín dụng mới, yêu cầu cung cấp thông tin các khoản vay đồng thời yêu cầu bên vay trả nợ. Tuy nhiên, ông Trần Anh S1 - Giám đốc Phòng G1 cố tình che giấu tình trạng dư nợ, lúc thì cung cấp số dư nợ gốc là 2.800.000.000 đồng, lúc thì số dư nợ gốc là 1.600.000.000 đồng và yêu cầu ông L về với lý do công ty đang có nguồn thanh toán của nhà máy cá, ngân hàng đang theo dõi để thu nợ. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 10/2018, chị Y đến Ngân hàng V1 tại Số D - D, đường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An để làm việc thì mới được cung cấp thông tin là các khoản vay của Công ty Trách

nhiệm hữu hạn H1 bị quá hạn từ năm 2015; số tiền gốc là 3.460.000.000 đồng, tiền lãi 571.157.798 đồng, phí phạt 312.288.385 đồng, phạt 9.075.432 đồng. Do các bên bảo đảm đã không đồng ý cho khách hàng vay từ thời điểm năm 2014 nên đã yêu cầu ngân hàng cung cấp các hồ sơ, hợp đồng tín dụng. Sau khi được ngân hàng cung cấp Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015, có đầy đủ chữ ký của bên bảo đảm gồm ông L, bà T1, anh L1 và chị Y nhưng có thể khẳng định toàn bộ chữ ký, chữ viết đều là giả mạo và yêu cầu ngân hàng trích xuất camera nhưng ngân hàng trả lời là không có dữ liệu. Bên cạnh đó, còn có các biên bản làm việc về trách nhiệm của bên bảo lãnh ngày 29/4/2014 và ngày 03/8/2015 của ông L và bà T1; biên bản làm việc về trách nhiệm của bên lãnh ngày 29/4/2014 của anh L1 và chị Y đều là giả mạo. Mặc dù bên có tài sản đã thể hiện ý chí trực tiếp với ngân hàng rằng không đồng ý cho vay mới, thực hiện thu nợ các khoản vay đã ký, không ký bất kỳ hồ sơ tín dụng nào kể từ năm 2014; tuy nhiên, ngân hàng V1 đã có hành vi giả mạo chữ ký hồ sơ vay, cố tình thực hiện cho vay trái quy định gây ảnh hưởng, thiệt hại cho bên có tài sản. Gia đình bà T1, chị Y đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết ông L, bà T1, anh L1 và chị Y tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015. Tại Kết luận giám định số 36/KL-KTHS 9GĐKTHSTT) ngày 14/01/2019 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Chữ ký và chữ viết tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 không phải là của ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị T1, anh Phan Đình L1 và chị Trần Thị Hải Y. Vì vậy, bà T1 và chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố vô hiệu một phần Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 đối với tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 21, tại K, Phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 709962, vào sổ CH.00440/ số 8759QĐUBND(2010) do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp ngày 13/12/2010 cho bà Nguyễn Thị T1; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 14, tại K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 440316, vào sổ CH.00008/ số 168QĐUBND(2007) do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp ngày 11/6/2007 cho ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T1; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 24, tại K, thị trấn T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 179594, vào sổ CH.01595 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 19/12/2011 cho anh Phan Đình L1 và chị Trần thị Hải Y1.

- Yêu cầu ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Văn H - người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 không đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 35, 147, 177, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 4 Luật thương mại; các Điều 92, 299, 318, 463, 465, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 91, 95 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty H1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 5.434.115.028 đồng, trong đó: nợ gốc 3.460.000.000 đồng, tiền lãi 1.974.115.028 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 với các Khế ước nhận nợ kèm theo tính đến ngày 10/9/2020.

- Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 không trả hoặc không trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán tài sản bảo đảm tiền vay để trả nợ gồm:

+ Một máy xúc bánh lốp hiệu Komatsu PW 130-6k, biển số 80 LA-1024, số động cơ 189298, số khung PW130k30269. Công suất động cơ 78HP. Trọng lượng 15.100 kg. Màu sơn vàng, sản xuất năm 2009 theo GCN đăng ký xe máy chuyên dùng số: 588.XMCD do Khu quản lý đường bộ IV-Bộ G cấp lần đầu ngày 30/11/2009 thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1);

+ Một xe tải Ben TRUONGGIANG sản xuất năm 2009, màu xanh, tải trọng: 6.950kg, số máy: YC4E13521E-0273901060, khung: RNNTD61D49CD-00343, biển số: 37S-4626 thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1).

* Không chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền phạt lãi chậm trả lãi là 25.535.860 đồng.

* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 và chị Trần Thị Hải Y, tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 đối với phần tài sản thế chấp, không chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với yêu cầu xử lý bán tài sản thế chấp để trả nợ đối với phần tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa số 46, tờ bản đồ số 21 tại K, Phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 709962, vào sổ CH.00440/số 8759 QĐ-UBND (2010) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 13/12/2010 cho ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T1;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa số 140, tờ bản đồ số 14 tại K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 440316, vào số H.00008/số 168 QĐ-UBND (2007) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 11/6/2007 cho ông Trần Đình Đình L và bà Nguyễn Thị T1;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa số 08, tờ bản đồ số 24, tại K thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 179594, vào sổ CH.01595 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 19/12/2011 cho anh Phan Đình L1, chị Trần Thị Hải Y;

* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 và chị Trần Thị Hải Y:

- Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T1:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 709962, vào sổ CH. 00440/số 8759 QĐ-UBND (2010) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 13/12/2010 cho bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa số 46, tờ bản đồ số 21 tại K, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AH 440316, vào sổ H.00008/số 168 QĐ-UBND (2007) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 11/6/2007 cho ông Trần Đình Đình L và bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa số 140, tờ bản đồ số 14 tại K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải trả lại cho anh Phan Đình L1 và chị Trần Thị Hải Y Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 179594, vào sổ CH.01595 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 19/12/2011 cho anh Phan Đình L1 và chị Trần Thị Hải Y đối với thửa số 08, tờ bản đồ số 24 tại khối B, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/9/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V kháng cáo Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, với lý do: Tòa án nhân dân thành phố Vinh tuyên hợp đồng tín dụng vô hiệu một phần và yêu cầu V1 phải trả lại ba tài sản thế chấp cho chủ tài sản là không đúng bởi hợp đồng thế chấp năm 2012 vẫn có hiệu lực. Các hợp đồng thế chấp năm 2012 đã quy định các nghĩa vụ được bảo đảm là các nghĩa vụ của bên vay/bên được cấp tín dụng với V1 bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này. Trong suốt quá trình vay, các khoản vay của Công ty được nối tiếp liên tục và vẫn còn dư nợ cho đến nay, không có thời gian ngắt quãng. Cho đến thời điểm hiện tại, V1 chưa nhận được bất kỳ văn bản nào lien quan về việc từ chối bảo lãnh trong các năm 2019 trở về trước, việc từ chối bảo lãnh cũng phải được thực hiện khi Công ty H1 thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với V1. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các nội dung:

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 thanh toán toàn bộ dư nợ tại V1 tính đến ngày 10/9/2020 là 5.456.458.081 đồng, trong đó gốc 3.460.000.000 đồng, lãi trong hạn + quá hạn là 1.974.115.028 đồng, phí phạt chậm trả (từ ngày 01/01/2017 đến nay) là 22.343.054 đồng.

- Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 21 tại K, Phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 709962, vào sổ CH.00440/ số 8759QĐ-UBND(2010) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 13/12/2010 cho ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị T1;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 14 tại K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 440316, vào sổ H.00008/ số 168QĐ-UBND(2007) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 11/6/2007 cho ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị T1;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 24 tại K, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 178584, vào sổ CH.01595 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 19/12/2011 cho ông Phan Đình L1, bà Trần Thị Hải Y;

+ Một máy xúc bánh lốp hiệu Komatsu PW 130-6k, biển số 80 LA - 1024, số động cơ 189298, số khung PW130k30269, công suất động cơ 78HP, trọng lượng 15.100 kg, màu sơn vàng, sản xuất năm 2009 theo Giấy chứng ký xe máy chuyên dụng số 588.XMCD do Khu Quản lý đường bộ IV, Bộ G cấp lần đầu ngày 30/11/2009 thuộc quyền sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Công ty TNHH H1);

+ Một xe tải ben TRUONGGIANG sản xuất năm 2009, màu xanh, tải trọng 6950 kg, số máy YC4E13521E-0273901060, khung: RNNTD61D49CD-00343, biển số 37S - 4626 thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Công ty TNHH H1).

Nếu sau khi xử lý tài sản trên không đủ để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V giữ nguyên nội dung khởi kiện; sửa đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty TNHH H1 thanh toán phí phạt chậm trả là 25.535.860 đồng; tuyên trường hợp Công ty TNHH H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 21 tại khối A, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An và thửa đất số 140, tờ bản đồ số 14, tại khối G, phường B, thành phố V, Nghệ An của ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T1; Thửa đất số 08, tờ bản đồ số 24, tại khối B, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh của anh Phan Đình L1 và chị Trần Thị Hải Y. Đối với số tiền gốc 3.460.000.000 đồng, tiền lãi suất 1.974.115.028 đồng và tài sản thế chấp là 01 máy xúc bánh lốp, 01 xe tải Ben Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nên Ngân hàng không kháng cáo. Lý do kháng cáo là các hợp đồng thế chấp năm 2012 đã quy định các nghĩa vụ được bảo đảm là các nghĩa vụ của bên vay/bên được cấp tín dụng với V1 bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này. Trong suốt quá trình vay, các khoản vay của Công ty được nối tiếp liên tục và vẫn còn dư nợ cho đến nay, không có thời gian ngắt quãng. Hợp đồng cấp tín dụng số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015, chủ thể của Hợp đồng là bên vay Công ty TNHH H1 và Ngân hàng V1, còn bên bảm đảm không phải là chủ thể hợp đồng nên Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên không cần phải có chữ ký của họ. Công ty Trách nhiệm hữu hạn X thay đổi tên gọi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn H3 nhưng mã số doanh nghiệp không thay đổi nên về bản chất Công ty không thay đổi, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định sau khi chuyển đổi thì Công ty TNHH X đã chấm dứt tồn tại là không đúng. Quá trình giải quyết phúc thẩm vụ án, Công ty TNHH H1 đã thanh toán cho Ngân hàng V1 400.000.000 đồng, Ngân hàng V1

đồng ý trừ số tiền này vào nợ gốc của Công ty TNHH H1.

Bà Nguyễn Thị T1 và chị Trần Thị Hải Y đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phát biểu Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn V1 về xử lý 03 (ba) tài sản còn lại là bất động sản và yêu cầu thanh toán phí phạt chậm trả. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 10/9/2020 của TAND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An liên quan đến số tiền mà bị đơn Công ty H1 đã trả thêm cho V1 sau khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Đình L1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Đình L là chị Trần Thị Tố U, chị Trần Thị Tú O vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 01/9/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Sau đây gọi là Ngân hàng) có đơn tin báo về tội phạm gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, với nội dung: "Tố cáo ông Hoàng Văn H, sinh ngày 01/7/1975; nơi cư trú: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An - Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H4 có địa chỉ tại Số F, đường P, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An có hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong hoạt động vay vốn". Ngày 06/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N có Công văn số 1888/TB-CQĐT(KT) gửi Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thông báo về việc đã tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm đối với hành vi của ông Hoàng Văn H có dấu hiệu phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Ngày 07/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án để chờ kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra. Ngày 23/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nhận được Văn bản số 647/TB-CQĐT(KT) đề ngày 06/3/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N xác định hành vi của ông Hoàng Văn H - Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 không đủ các yếu tố cấu thành tội phạm. Hiện nay, ông Hoàng Văn H vẫn đang tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng V1 nên chưa

phát sinh thiệt hại. Ngày 06/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 14/QĐ-CSKT đối với vụ việc. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An tiếp tục giải quyết vụ án và đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Đối với kháng cáo yêu cầu buộc công ty H1 thanh toán tiền phạt chậm trả lãi (từ ngày 01/01/2017 đến nay) với số tiền 22.343.054 đồng của Ngân hàng V1**.** Tại giai đoạn phúc thẩm Ngân hàng V1 yêu cầu buộc công ty H1 thanh toán tiền phạt chậm trả lãi (từ ngày 01/01/2017 đến nay) với số tiền 25.535.860 đồng. Thấy rằng: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: PLD.DN.01030815 ký kết ngày 03/8/2015, các bên không tranh chấp lãi suất và sự thỏa thuận về lãi suất của các bên phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ–HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thì pháp luật chỉ thừa nhận đối với khoản tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả; Không quy định đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi. Vì vậy, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng V1 thừa nhận bị đơn đã trả cho ngân hàng 400.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ số tiền này vào số tiền gốc cho bị đơn. Cần chấp nhận để sửa án sơ thẩm khấu trừ giảm tiền nợ gốc cho bị đơn.

Do đó, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 5.034.115.028 đồng, trong đó: nợ gốc 3.060.000.000 đồng, tiền lãi 1.974.115.028 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 với các Khế ước nhận nợ kèm theo tính đến ngày 10/9/2020.

[4] Về kháng cáo đề nghị tuyên xử lý tài sản thế chấp là 03 (ba) bất động sản tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015. Thấy rằng:

Thứ nhất: Mặc dù Điều 2 các Hợp đồng thế chấp ký kết năm 2012 có thỏa thuận: "*các nghĩa vụ được bảo đảm là các nghĩa vụ của bên vay/ bên được cấp tín dụng với V1 bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký hợp đồng này*" và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 có nêu các biện pháp bảo đảm thế chấp các tài sản nêu trên; Chi tiết về biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm...theo Hợp đồng bảo đảm cụ thể giữa các bên. Tuy nhiên, tại thời điểm ký kết các Hợp đồng thế chấp 28/02/2012, ngày 06/6/2012 và ngày 04/10/2012 thì tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25/10/2011, tên của Bên vay (Công ty) là Công ty TNHH X. Đến thời điểm ký kết Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 thì tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/01/2015 tên Bên vay là Công ty TNHH H1 (Sau đây gọi là Công ty H1); Khi ký kết hợp đồng thế chấp vào năm 2013 thì các ông, bà: Trần Đình L, Nguyễn Thị T1; anh Phan Đình L1, chị Trần Thị Hải Y chỉ đồng ý ký thế chấp cho Công ty TNHH X vay vốn. Chính vì điều đó nên Ngân hàng V mới có văn bản số 5323/TB-TBDHo.15 ngày 14/7/2015 gửi V1-NA để nêu rõ điều kiện trước khi giải ngân đối với ***CÔNG TY TNHH H1.***

Thứ hai: Căn cứ nội dung Công văn số 5323/TB-BTDHo.15 ngày 14/7/2015 của Ban tín dụng Hội sở V1 gửi V1 thì đồng ý cấp tín dụng cho Công ty H1, nhưng phải đảm bảo điều kiện trước giải ngân. Đó là:

+ Khách hàng tất toán toàn bộ khoả vay hiện đang quá hạn tại V1 trước khi thực hiện thủ tục tái cấp lại hạn mức tín dụng. Miễn phí phạt quá hạn cho khách hàng.

+ Công chứng và đăng ký giao dịch đối với tài sản thế chấp là bất động sản theo quy định.

+ Ký hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo đối với tài sản thế chấp là động sản theo quy định.

+ Bổ sung hồ sơ pháp lý thể hiện vị trí bất động sản theo quy định tại công văn số 233/NVCV-TĐGTS.15 ngày 20/4/2015 đối với các tài sản 2,3,4.

+ Ký cam kết thế chấp toàn bộ phần diện tích đối với tài sản 1

+ Ký cam kết thế chấp toàn bộ phần diện tích xây dựng trên đất theo hiện trạng sử dụng thực tế đối với tài sản 2, 4

+ Có bảo lãnh cá nhân của ông Hoàng Văn H đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính của khách hàng tại V1.

Ở đây tài sản 1 chính là thửa số 140, tờ bản đồ số 14 tại khối G, phường B, TP ., tỉnh Nghệ An mang tên ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị T1; tài sản 2 chính là thửa số 08, tờ bản đồ số 24, tại khối B, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh mang tên anh Phan Đình L1 và chị Trần Thị Hải Y; tài sản 4 chính là thửa số 46, tờ bản đồ số 21 tại K, phường T, TP ., tỉnh Nghệ An mang tên ông Trần Đình L và bà Nguyễn Thị Tuyết . Điều đó khẳng định những trường hợp giải ngân sau ngày 14/7/2015 cho Công ty H1 thì phải thực hiện đúng điều kiện được thể hiện tại Công văn 5323 chứ không phải căn cứ vào các hợp đồng thế chấp năm 2012.

Thứ ba: Căn cứ bản kết luận giám định số 13/KL-PC09(Đ3) ngày 11/8/2020 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận chữ ký và chữ viết tại "***Biên bản làm việc về trách nhiệm của bên bảo lãnh***" ngày 03/8/2015 đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 14 tại khối G, phường B, TP ., tỉnh Nghệ An và "***Biên bản làm việc về trách nhiệm của bên bảo lãnh***" ngày 03/8/2015 đối với thửa số

46, tờ bản đồ số 21 tại K, phường T, TP ., tỉnh Nghệ An không phải là của ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị Tuyết k và viết ra; "***Biên bản làm việc về trách nhiệm của bên bảo lãnh"*** ngày 03/8/2015 đối với thửa số 08, tờ bản đồ số 24, tại khối B thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh không phải do anh Phan Đình L1, chị Trần Thị Hải Y ký và viết ra. Tại Kết luận giám định số 36/KL-KTHS (GĐKTHSTT) ngày 14/01/2019 của Phòng K Công an tỉnh nghệ A kết luận: Chữ viết, chữ ký tại Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 không phải của ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị T1 và anh Phan Đình L1, chị Trần Thị Hải Y. Như vậy, ông Trần Đình L, bà Nguyễn Thị T1, anh Phan Đình L1 và chị Trần Thị Hải Y đã không thể hiện ý chí đồng ý thế chấp cho Công ty TNHH H1 vay vốn theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 tại Ngân hàng TMCP V. Do đó, Ngân hàng V1 cho rằng Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015, chủ thể của Hợp đồng là bên vay Công ty TNHH H1 và Ngân hàng V1, còn bên bảm đảm không phải là chủ thể hợp đồng nên Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên không cần phải có chữ ký của bên bảo đảm, mà lại tạo chữ ký giả của họ trong các văn bản trên không đúng với bản chất sự việc. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với yêu cầu xử lý bán tài sản thế chấp đối với 3 thửa đất trên là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do có sửa án sơ thẩm về khoản tiền gốc mà Công ty TNHH H1 đã trả nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật. Về án phí sơ thẩm do sửa khoản tiền gốc phải trả, nên án phí sơ thẩm được tính toán lại cho Công ty TNHH H1 phải chịu là 122.341.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ các Điều 30, 35, 147, 177, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 4 của Luật thương mại; các Điều 92, 299, 318, 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty TNHH H1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền: 5.034.115.028 đồng (Năm tỷ, không trăm ba mươi tư triệu, một trăm mười lăm nghìn, không trăm hai mươi tám đồng), trong đó: nợ gốc: 3.060.000.000 đồng (Ba tỷ, không trăm sáu mươi triệu đồng), lãi trong hạn và quá hạn: 1.974.115.028 đồng (Một tỷ, chín trăm bảy mươi tư triệu, một trăm mười lăm nghìn, không trăm hai mươi tám đồng) theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số: PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 với các Khế ước nhận nợ kèm theo tính đến ngày 10/9/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H2 không trả hoặc không trả đủ số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán tài sản bảo đảm tiền vay để trả nợ gồm:

+ Một máy xúc đào bánh lốp hiệu Komatsu PW 130-6k, biển số 80 LA-1024, số động cơ 189298, số khung PW130K30269. Công suất động cơ 78HP. Trọng lượng 15.100 kg. Màu sơn vàng, sản xuất năm 2009 theo GCN đăng ký xe máy chuyên dùng số: 588.XMCD do Khu quản lý đường bộ IV-Bộ G cấp lần đầu ngày 30/11/2009 thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1);

+ Một xe tải Ben TRUONGGIANG sản xuất năm 2009, màu xanh, tải trọng: 6.950kg, số máy: YC4E13521E-0273901060, khung: RNNTD61D49CD-00343, biển số: 37S-4626 thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1).

* Không chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền phạt lãi chậm trả lãi là 25.535.860 đồng.

* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 và chị Trần Thị Hải Y, tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số PLD.DN.01030815 ngày 03/8/2015 đối với phần tài sản thế chấp, không chấp nhận một phần yêu cầu của

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với yêu cầu xử lý bán tài sản thế chấp để trả nợ đối với phần tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa số 46, tờ bản đồ số 21 tại K, Phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 709962 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 03/12/2010 mang tên bà Nguyễn Thị Tuyết .

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa số 140, tờ bản đồ số 14 tại K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 440316 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 11/6/2007 mang tên ông Trần Đình Đình L và bà Nguyễn Thị Tuyết .

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa số 08, tờ bản đồ số 24, tại K thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 179594 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 19/12/2011 mang tên anh Phan Đình L1, chị Trần Thị Hải Y.

* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 và chị Trần Thị Hải Y:

- Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T1:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 709962, vào sổ CH. 00440 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 03/12/2010 cho bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa số 46, tờ bản đồ số 21 tại K, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AH 440316, vào sổ H.00008/số 168 QĐ UBND (2007) do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 11/6/2007 cho ông Trần Đình Đình L và bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa số 140, tờ bản đồ số 14 tại K, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải trả lại cho anh Phan Đình L1 và chị Trần Thị Hải Y Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 179594, vào sổ CH.01595 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 19/12/2011 cho anh Phan Đình L1 và chị Trần Thị hải Y2 đối với thửa số 08, tờ bản đồ số 24 tại khối B, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001478 ngày 24/9/2020.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 122.341.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V phải chịu 3.000.000 án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 56.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006193 ngày 03/5/2019 nhưng phải khấu 3.000.000 đồng tiền án phí phải chịu.

Trả lại cho bà Trần Thị Hải Y 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002463 ngày 24/12/2019.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002462 ngày 24/12/2019.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Từ